

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC
LAO ĐỘNG QUỐC TẾ



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 39
8. Phụ lục	40 - 42



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Hợp tác Lao động với Nước ngoài Phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 04 tháng 9 năm 2015 cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UpCom với mã chứng khoán ISG.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 Công ty đã gửi Công văn số 01/TCHC đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về việc Công ty không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (028) 3943 3770
- Fax : +84 (028) 3943 3778

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An	Số 62, đường Trần Quốc Toàn, phường Vinh Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng	Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội	Tầng 2, toà nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhờn;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê lại lao động;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Viết Điền	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Nam	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Hoàng Lê Vượng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Hoàng Đức Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Oanh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Trịnh Thị Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974)	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982)	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2025
Ông Đặng Hiểu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022).

Ông Nguyễn Ngọc Minh ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Nguyễn Tuấn Anh
Ủy viên Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0305/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Mặc dù năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn lãi 41.173.526.762 VND nhưng lỗ lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 251.346.806.379 VND, làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 158.323.428.582 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 403.012.068.253 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không được chứng kiến kiểm kê thực tế lượng nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng nguyên vật liệu tồn kho tại các thời điểm này (xem thuyết minh số V.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất).

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 14 tháng 01 năm 2026 Công ty mẹ đã gửi Công văn số 01/TCHC đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về việc Công ty mẹ không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Trần Thị Thủy Quyên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1539-2023-008-1

Người được ủy quyền



Phan Cao Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2026-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.287.963.732	166.449.607.426
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	116.298.986.780	108.335.161.569
1. Tiền	111		113.298.986.780	101.814.676.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	6.520.484.641
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.500.000.000	1.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	6.500.000.000	1.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.481.888.878	27.329.272.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.125.261.022	16.345.677.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	167.493.500	177.449.850
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	45.812.863.629	11.429.874.248
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(623.729.273)	(623.729.273)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.247.125.224	8.110.804.135
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.247.125.224	8.110.804.135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.759.962.850	21.174.369.295
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.551.375.002	3.208.650.820
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.737.651.480	17.790.237.658
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	470.936.368	175.480.817
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		375.913.639.671	461.941.716.719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000	2.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.000.000	2.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		353.304.923.709	441.362.706.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	344.467.035.509	432.208.858.622
- Nguyên giá	222		1.417.344.588.442	1.422.828.082.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.072.877.552.933)	(990.619.224.366)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.837.888.200	9.153.848.200
- Nguyên giá	228		17.736.123.304	17.736.123.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.898.235.104)	(8.582.275.104)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.556.750	52.556.750
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	52.556.750	52.556.750
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		687.500.000	1.920.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	978.500.000	1.978.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(361.000.000)	(128.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	70.000.000	70.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.866.659.212	18.604.453.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	21.866.659.212	18.604.453.147
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		584.201.603.403	628.391.324.145



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		742.525.031.985	827.888.279.489
I. Nợ ngắn hạn	310		611.300.031.985	671.673.279.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	20.601.818.843	20.846.158.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12.949.573.034	4.706.996.462
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.757.751.703	37.624.614.723
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.224.417.628	8.454.723.397
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	223.514.940	1.836.640.102
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	532.529.551.379	565.921.321.492
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	25.005.000.000	25.020.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	4.008.404.458	7.262.824.896
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		131.225.000.000	156.215.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	131.225.000.000	156.215.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(158.323.428.582)	(199.496.955.344)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(158.323.428.582)	(199.496.955.344)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	5.023.377.797	5.023.377.797
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(251.346.806.379)	(292.520.333.141)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(292.520.333.141)	(292.520.333.141)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		41.173.526.762	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		584.201.603.403	628.391.324.145

Lê Thị Thu Hà
Người lậpNghiêm Văn Châu
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	365.127.979.780	383.813.800.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		365.127.979.780	383.813.800.179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	319.150.801.903	443.014.660.629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.977.177.877	(59.200.860.450)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.252.893.764	17.454.443.052
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.646.933.648	10.610.042.992
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.924.344.870	10.464.350.466
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.607.918.965	12.877.365.683
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.101.139.317	19.827.889.640
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.874.079.711	(85.061.715.713)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	50.743.541.625	656.545.348.065
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.086.753.195	1.190.922.302
14. Lợi nhuận khác	40		48.656.788.430	655.354.425.763
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.530.868.141	570.292.710.050
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.357.341.379	39.479.753.332
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.173.526.762	530.812.956.718
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		41.173.526.762	530.812.956.718
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	4.679	59.706
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	4.679	59.706

Lê Thị Thu Hà
Người lậpNguyễn Văn Châu
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		368.679.096.718	386.174.972.282
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(122.189.594.372)	(200.554.742.400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(86.230.488.228)	(77.079.284.959)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(14.524.270.341)	(20.968.029.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(38.370.945.390)	(2.082.671.192)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		224.783.391.865	16.904.062.694
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(297.214.892.085)	(84.128.194.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.932.298.167	18.266.113.036
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(376.300.363.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	935.185.187	133.670.270.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(5.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.079.590.411
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b; VI.3	1.115.574.305	5.375.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	570.630.165	624.065.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.378.610.343)	(236.551.436.818)

03004
CÔNG
TỔNG
A
V HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	200.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(25.005.000.000)	(21.181.590.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.005.000.000)	178.818.410.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.548.687.824	(39.466.913.782)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	108.335.161.569	143.733.547.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		415.137.387	4.068.528.163
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	116.298.986.780	108.335.161.569

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

19815
TY TN
N VÀ TH
& C
- TP. HLê Thị Thu Hà
Người lậpNghiêm Văn Châu
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh dầu nhớt,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics có trụ sở chính tại số 126, đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cung cấp dịch vụ vận chuyển nâng hạ container, dịch vụ giao nhận, vận chuyển, đóng hàng, dịch vụ cho thuê kho, bãi, dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container và các dịch vụ khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Nghệ An	Số 62, đường Trần Quốc Toàn, phường Vinh Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hải Phòng	Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế tại Hà Nội	Tầng 2, toà nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

6. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025 của Tập đoàn giảm đáng kể so với năm 2024 là do trong năm 2024 Tập đoàn nhận được Thông báo số 122/TB-TD1 và 123/TB-TD1 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc về việc xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh chưa thanh toán tính đến ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Dự án Đầu tư Đóng mới Tàu chở hàng khô (tàu Aquamarine và tàu Inlaco Express) với tổng số tiền là 517.823.083.150 VND.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.061 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.068 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và khoản đầu tư vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí bảo hiểm tàu; công cụ, dụng cụ trên tàu; chi phí sửa chữa tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này:

Chi phí bảo hiểm tàu

Chi phí bảo hiểm tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm tùy theo thời gian sử dụng.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tài sản là toàn bộ chi phí phát sinh sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 05 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 12
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty con là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê đất 30 năm.

Quyền sử dụng đất của Công ty mẹ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của chương trình phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	831.139.517	850.271.828
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	112.467.847.263	100.964.405.100
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	3.000.000.000	6.520.484.641
Cộng	116.298.986.780	108.335.161.569

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính này của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Dài hạn	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	6.570.000.000	6.570.000.000	1.570.000.000	1.570.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	978.500.000	(361.000.000)	978.500.000	(128.500.000)
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics ⁽ⁱ⁾	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	978.500.000	(361.000.000)	1.978.500.000	(128.500.000)

- ⁽ⁱ⁾ Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinalines Logistics với giá chuyển nhượng là 1.115.574.305 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	128.500.000	3.090.000.000
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất	232.500.000	(2.961.500.000)
Số cuối năm	361.000.000	128.500.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ cho thuê tàu, vận tải</i>	<i>5.923.822.165</i>	<i>4.439.757.956</i>
<i>Phải thu các dịch vụ khác</i>	<i>8.201.438.857</i>	<i>11.905.919.646</i>
Hinase Ship Management Co., Ltd.	1.859.763.080	1.805.558.572
Công ty Nissho Shipping	-	3.462.529.163
Các khách hàng khác	6.341.675.777	6.637.831.911
Cộng	14.125.261.022	16.345.677.602

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâu đài Ven Sông	58.819.500	49.016.250
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quốc tế Hoàng Sơn	-	47.433.600
Trả trước cho người bán khác	108.674.000	81.000.000
Cộng	167.493.500	177.449.850

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>42.864.000</i>	-	<i>42.864.000</i>	-
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	42.864.000	-	42.864.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>45.769.999.629</i>	-	<i>11.387.010.248</i>	-
Các khoản thu hộ liên quan đến hoạt động tàu biển	11.791.587.002	-	2.383.134.198	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	24.080.304.562	-	-	-
Tạm ứng	3.090.791.950	-	2.882.112.857	-
Ký quỹ ngắn hạn	4.519.100.000	-	4.522.100.000	-
Lãi dự thu	154.434.244	-	59.543.176	-
Phải thu về dịch vụ khác	2.133.781.871	-	1.540.120.017	-
Cộng	45.812.863.629	-	11.429.874.248	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Phải thu cung cấp dịch vụ		928.706.273	(623.729.273)		928.706.273	(623.729.273)
Công ty TNHH Container B.N	Trên 3 năm	365.890.000	(365.890.000)	Trên 3 năm	365.890.000	(365.890.000)
Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	Trên 3 năm	85.392.000	(85.392.000)	Trên 3 năm	85.392.000	(85.392.000)
Doanh nghiệp Chế biến và Xuất khẩu Chè YI JIIN	Trên 3 năm	53.000.000	-	Trên 3 năm	53.000.000	-
Chi nhánh Mimeco Hà Nam	Trên 3 năm	110.880.000	-	Trên 3 năm	110.880.000	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng và Dịch vụ Vận tải Thuận Phát	Trên 3 năm	131.200.000	(131.200.000)	Trên 3 năm	131.200.000	(131.200.000)
Công ty Cổ phần Vinagrains	Trên 3 năm	51.290.000	-	Trên 3 năm	51.290.000	-
Công ty Cổ phần Đức Thái	Trên 3 năm	23.810.000	-	Trên 3 năm	23.810.000	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Lộc	Trên 3 năm	3.247.273	(3.247.273)	Trên 3 năm	3.247.273	(3.247.273)
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế ATTN	Trên 3 năm	24.440.000	-	Trên 3 năm	24.440.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải D&L	Trên 3 năm	41.557.000	-	Từ 2-3 năm	41.557.000	-
Khách hàng khác	Trên 3 năm	38.000.000	(38.000.000)	Trên 3 năm	38.000.000	(38.000.000)
Phải thu khác		149.128.367	-		149.128.367	-
Bà Nguyễn Thị Thu Uyên	Trên 3 năm	123.628.367	-	Trên 3 năm	123.628.367	-
Ông Phạm Tuấn Ngọc	Trên 3 năm	25.500.000	-	Trên 3 năm	25.500.000	-
Cộng		1.077.834.640	(623.729.273)		1.077.834.640	(623.729.273)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	13.213.990.224	-	8.044.924.135	-
Công cụ, dụng cụ	33.135.000	-	65.880.000	-
Cộng	13.247.125.224	-	8.110.804.135	-

Tập đoàn không có hàng tồn kho chậm luân chuyển.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm tàu	2.356.279.349	2.137.596.090
Công cụ, dụng cụ	4.017.954.579	641.176.730
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	177.141.074	429.878.000
Cộng	6.551.375.002	3.208.650.820

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	13.877.598.814	2.101.639.746
Chi phí sửa chữa tàu	7.537.659.544	15.369.782.445
Chi phí trả trước dài hạn khác	451.400.854	1.133.030.956
Cộng	21.866.659.212	18.604.453.147



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.512.071.989	1.397.356.217.633	739.702.457	220.090.909	1.422.828.082.988
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.483.494.546)	-	-	(5.483.494.546)
Số cuối năm	24.512.071.989	1.391.872.723.087	739.702.457	220.090.909	1.417.344.588.442
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.044.734.153	459.662.543.573	739.702.457	220.090.909	469.667.071.092
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.419.861.001	971.239.569.999	739.702.457	220.090.909	990.619.224.366
Khấu hao trong năm	649.053.816	87.092.769.297	-	-	87.741.823.113
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.483.494.546)	-	-	(5.483.494.546)
Số cuối năm	19.068.914.817	1.052.848.844.750	739.702.457	220.090.909	1.072.877.552.933
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.092.210.988	426.116.647.634	-	-	432.208.858.622
Số cuối năm	5.443.157.172	339.023.878.337	-	-	344.467.035.509
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đã thông qua kế hoạch thanh lý tàu Inlaco Bright trong năm 2025, đồng thời mua sắm một tàu trọng tải 32.000 - 40.000 tấn để trẻ hóa đội tàu Tập đoàn và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính của tàu Inlaco Bright lần lượt là 214.053.619.021 VND, 212.763.528.924 VND và 1.290.090.098 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn vẫn chưa hoàn tất việc thanh lý tàu cũ cũng như mua sắm tàu mới do chưa tìm được đối tác chuyển nhượng phù hợp.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 333.863.792.176 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành (xem các thuyết minh số V.18 và V.19b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.676.123.304	60.000.000	17.736.123.304
Số cuối năm	17.676.123.304	60.000.000	17.736.123.304
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	60.000.000	60.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.522.275.104	60.000.000	8.582.275.104
Khấu hao trong năm	315.960.000	-	315.960.000
Số cuối năm	8.838.235.104	60.000.000	8.898.235.104
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.153.848.200	-	9.153.848.200
Số cuối năm	8.837.888.200	-	8.837.888.200



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại 8.198.578.200 VND đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành (xem thuyết minh số V.19b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí phát triển phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương chưa nghiệm thu.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế còn lại của năm 2024 với số tiền là 3.932.921.493 VND.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	654.804	99.445.768
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	654.804	99.445.768
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	20.601.164.039	20.746.712.649
Nhà máy Sửa chữa Tàu biển Phà Rừng	13.500.000.000	14.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	7.101.164.039	6.246.712.649
Cộng	20.601.818.843	20.846.158.417

Khoản nợ phải trả Nhà máy Sửa chữa Tàu biển Phà Rừng đã quá hạn thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Wooyang Shipping Co., Ltd.	-	2.495.003.462
Daedong Shipping Co., Ltd.	5.624.735.524	1.360.314.000
Vin Marine Korea Co., Ltd.	3.246.202.336	-
Nissho Shipping	1.966.012.901	-
HS Marine Company Limited	1.963.917.910	-
Các khách hàng khác	148.704.363	851.679.000
Cộng	12.949.573.034	4.706.996.462

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	118.212.344	-	1.954.575.148	(1.791.929.874)	280.857.618	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.477.516.612	110.700.945	10.357.341.379	(38.370.945.390)	9.463.257.205	110.045.549
Thuế thu nhập cá nhân	26.295.559	57.944.536	1.345.622.465	(1.656.982.299)	11.046.672	354.055.483
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	67.923.596	(67.923.596)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	325.626.700	(325.626.700)	-	-
Các loại thuế khác	2.590.208	-	11.000.000	(11.000.000)	2.590.208	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.835.336	126.965.036	(126.965.036)	-	6.835.336
Cộng	37.624.614.723	175.480.817	14.189.054.324	(42.351.372.895)	9.757.751.703	470.936.368

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|---|--------------------|
| • Dịch vụ cung cấp dầu mua và bán tại nước ngoài cho tổ chức nước ngoài | Không phải kê khai |
| • Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế | 0% |
| • Dịch vụ cung ứng thuyền viên | |
| - Tàu nội | 10% ⁽ⁱ⁾ |
| - Tàu ngoại | 0% |
| • Các hoạt động khác ⁽ⁱ⁾ | 10% ⁽ⁱ⁾ |

- ⁽ⁱ⁾ Năm 2025, các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% theo các Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo các Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế	10.232.597.522	39.479.753.332
Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics	124.743.857	-
Cộng	10.357.341.379	39.479.753.332

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho khu đất đang sử dụng vị trí tại đường Đoạn Xá, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng với mức tiền thuê như sau:

- Tuyến I: 132.000 VND/m²/năm.
- Tuyến II: 99.000 VND/ m²/năm.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	223.514.940	223.440.411
Chi phí khác	-	1.613.199.691
Cộng	223.514.940	1.836.640.102

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	268.219.224	180.013.498
Nhận ký quỹ ngắn hạn	70.000.000	70.000.000
Cổ tức phải trả	1.318.722.900	1.318.722.900
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc - chi phí lãi vay phải trả ⁽ⁱ⁾	509.561.110.853	510.161.110.853
Phải trả hộ liên quan đến hoạt động cho thuê tàu	8.006.673.746	22.256.690.524
Phải trả hộ liên quan đến hoạt động xuất khẩu thuyền viên	2.760.103.862	22.405.984.848
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.544.720.794	9.528.798.869
Cộng	532.529.551.379	565.921.321.492

(i) Chi phí lãi vay đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đông Bắc do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính. Khoản lãi vay chưa thanh toán này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9).

Ngoài ra, Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành.

Chi tiết số phát sinh về vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.020.000.000	2.416.590.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	24.990.000.000	43.785.000.000
Số tiền vay đã trả	(25.005.000.000)	(21.181.590.000)
Số cuối năm	25.005.000.000	25.020.000.000

19b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng tín dụng số 10.04/2024/HĐCV ngày 10 tháng 4 năm 2024 với tổng số tiền vay 200.000.000.000 VND để mua tàu chở hàng khô (số hiệu IMO 9658795) đóng năm 2013 tại Nhật Bản theo MOA ký với Sun Advance Shipping S.A ngày 04 tháng 01 năm 2024, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay là 7,5%/năm trong kỳ đầu tiên (12 tháng đầu), các kỳ tiếp theo lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay - tàu Inlaco Harmony (xem thuyết minh số V.9).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, quyền sử dụng đất không thời hạn và tài sản gắn liền với đất tại số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh cũng được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	25.005.000.000	25.020.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	99.995.000.000	100.080.000.000
Trên 05 năm	31.230.000.000	56.135.000.000
Cộng	156.230.000.000	181.235.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	156.215.000.000	-
Số tiền vay phát sinh	-	200.000.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(24.990.000.000)	(43.785.000.000)
Số cuối năm	131.225.000.000	156.215.000.000

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.262.824.896	2.018.816.413
Tăng do trích lập từ lợi nhuận ⁽ⁱ⁾	-	5.403.323.283
Chi quỹ trong năm	(3.254.420.438)	(159.314.800)
Số cuối năm	4.008.404.458	7.262.824.896

- ⁽ⁱ⁾ Tập đoàn chưa nhận được Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty mẹ về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay. Năm trước, Tập đoàn trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 260/QĐ - HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	88.000.000.000	5.023.377.797	(817.929.966.576)	(724.906.588.779)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	530.812.956.718	530.812.956.718
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm trước	-	-	(5.403.323.283)	(5.403.323.283)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	5.023.377.797	(292.520.333.141)	(199.496.955.344)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	5.023.377.797	(292.520.333.141)	(199.496.955.344)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	41.173.526.762	41.173.526.762
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	5.023.377.797	(251.346.806.379)	(158.323.428.582)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (đại diện bởi Ông Nguyễn Tuấn Anh; Ông Hoàng Lê Vượng)	31.680.000.000	31.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	56.320.000.000	56.320.000.000
Cộng	88.000.000.000	88.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 4.137.232,50 USD (số đầu năm là 3.891.847,94 USD).

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản công nợ phải thu tiền cung cấp dịch vụ tồn đọng lâu, không có khả năng thu hồi đã được xử lý xóa sổ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Phạm Quốc Hiền	131.151.222	131.151.222
Công ty TNHH NNT	19.346.275	19.346.275
G.B.B.H.CO	1.879.500	1.879.500
Liên doanh Ahler	2.698.478	2.698.478
Công ty TNHH Vận tải biển Lam Kinh	1.294.880.755	1.294.880.755
Cộng	1.449.956.230	1.449.956.230

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu và vận tải	308.056.329.426	328.936.245.107
Doanh thu dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên và hoạt động khác	57.071.650.354	54.877.555.072
Cộng	365.127.979.780	383.813.800.179

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu và vận tải	273.353.008.512	391.539.810.941
Giá vốn hoạt động xuất khẩu thuyền viên, đại lý tàu và hoạt động khác	45.797.793.391	51.474.849.688
Cộng	319.150.801.903	443.014.660.629

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	610.521.233	608.129.686
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	115.574.305	483.500.000
Cổ tức được chia	55.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.829.700.247	11.996.856.862
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	639.864.540	4.365.956.504
Doanh thu tài chính khác	2.233.439	-
Cộng	7.252.893.764	17.454.443.052

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.924.344.870	10.464.350.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.490.088.778	3.107.192.526
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	232.500.000	(2.961.500.000)
Cộng	18.646.933.648	10.610.042.992

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.401.614.302	9.631.732.960
Chi phí đồ dùng văn phòng	648.050.416	645.571.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	846.850.184	846.850.184
Trợ cấp thôi việc	70.321.807	137.794.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.883.762	1.448.307.608
Các chi phí khác	7.302.418.846	7.117.633.180
Cộng	19.101.139.317	19.827.889.640

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	935.185.187	133.670.270.500
Doanh thu từ tiền thưởng giải phóng tàu	2.030.456.970	59.145.547
Xử lý công nợ tồn lâu	9.977.245.069	3.700.000.000
Thu nhập từ việc được xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả	-	517.823.083.150
Tiền bồi thường	24.080.304.562	-
Thu nhập khác	13.720.349.837	1.292.848.868
Cộng	50.743.541.625	656.545.348.065

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí từ tiền phạt giải phóng tàu	200.992.636	502.940.926
Thuế bị phạt, truy thu	213.868.930	-
Phạt vi phạm hành chính	6.500.000	-
Chi phí khác	1.665.391.629	687.981.376
Cộng	2.086.753.195	1.190.922.302

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	41.173.526.762	530.812.956.718
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	-	(5.403.323.283)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	41.173.526.762	525.409.633.435
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.679	59.706

- (i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính toán chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa nhận được Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty mẹ về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.921.478.386	109.315.281.192
Chi phí nhân công	81.217.337.305	87.966.366.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.057.783.113	83.561.882.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.947.059.663	125.702.741.634
Chi phí khác	57.716.201.718	69.173.644.352
Cộng	350.859.860.185	475.719.915.952

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT	846.390.549	-	846.390.549
Ông Trần Viết Điền - Phó Chủ tịch HĐQT	527.084.553	-	527.084.553
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	696.458.424	36.000.000	732.458.424
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) - Phó Tổng Giám đốc	447.347.341	-	447.347.341
Ông Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	533.165.713	36.000.000	569.165.713
Ông Đặng Hiếu - Phó Tổng Giám đốc	432.151.263	-	432.151.263
Ông Nghiêm Văn Châu - Kế toán trưởng	396.236.176	-	396.236.176
Ông Nguyễn Văn Nam - Ủy viên HĐQT	416.164.692	36.000.000	452.164.692
Ông Hoàng Lê Vượng - Ủy viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)		27.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Thanh Ngọc - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)	31.000.000	9.000.000	40.000.000
Ông Hoàng Đức Tuấn - Ủy viên HĐQT	179.248.556	36.000.000	215.248.556
Bà Nguyễn Thị Thu Oanh - Trưởng BKS	353.710.218	36.000.000	389.710.218
Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thành viên BKS	214.460.571	24.000.000	238.460.571
Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên BKS	317.001.548	24.000.000	341.001.548
Cộng	5.390.419.604	264.000.000	5.654.419.604
Năm trước			
Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT	786.842.638	-	786.842.638
Ông Trần Viết Điền - Phó Chủ tịch HĐQT	493.623.259	-	493.623.259
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1974) - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	650.667.556	36.000.000	686.667.556
Ông Nguyễn Tuấn Anh (1982) - Phó Tổng Giám đốc	432.469.083	-	432.469.083
Ông Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	488.885.592	36.000.000	524.885.592
Ông Nghiêm Văn Châu - Kế toán trưởng	366.096.741	-	366.096.741
Ông Nguyễn Văn Nam - Ủy viên HĐQT	387.698.246	36.000.000	423.698.246
Ông Nguyễn Thanh Ngọc - Ủy viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Đức Tuấn - Ủy viên HĐQT	166.208.500	36.000.000	202.208.500
Bà Nguyễn Thị Thu Oanh - Trưởng BKS	361.942.354	36.000.000	397.942.354
Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thành viên BKS	198.576.482	24.000.000	222.576.482
Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên BKS	294.458.678	24.000.000	318.458.678
Cộng	4.627.469.128	264.000.000	4.891.469.128

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Cổ đông nắm giữ 36% vốn điều lệ.

Giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê văn phòng với Tổng công ty Cổ phần Hàng hải Việt Nam số tiền là 182.222.122 VND (năm trước là 146.831.808 VND).

Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. *Thông tin về bộ phận*

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là dịch vụ cho thuê tàu và vận tải biển (chiếm hơn 84% tổng doanh thu).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3. *Quản lý rủi ro tài chính*

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.298.986.780	-	116.298.986.780
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.570.000.000	-	6.570.000.000
Phải thu khách hàng	13.196.554.749	928.706.273	14.125.261.022
Các khoản phải thu khác	42.572.943.312	149.128.367	42.722.071.679
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	978.500.000	978.500.000
Cộng	178.638.484.841	2.056.334.640	180.694.819.481
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.335.161.569	-	108.335.161.569
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.570.000.000	-	1.570.000.000
Phải thu khách hàng	15.416.971.329	928.706.273	16.345.677.602
Các khoản phải thu khác	8.398.633.024	149.128.367	8.547.761.391
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.000.000.000	978.500.000	1.978.500.000
Cộng	134.720.765.922	2.056.334.640	136.777.100.562

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	20.601.818.843	-	-	20.601.818.843
Vay	25.005.000.000	99.995.000.000	31.230.000.000	156.230.000.000
Các khoản phải trả khác	532.484.847.095	-	-	532.484.847.095
Cộng	578.091.665.938	99.995.000.000	31.230.000.000	709.316.665.938
Số đầu năm				
Phải trả người bán	20.846.158.417	-	-	20.846.158.417
Vay	25.020.000.000	100.080.000.000	56.135.000.000	181.235.000.000
Các khoản phải trả khác	567.577.948.096	-	-	567.577.948.096
Cộng	613.444.106.513	100.080.000.000	56.135.000.000	769.659.106.513

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có mua nhiên liệu phục vụ cho vận hành đội tàu với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.137.232,50	3.891.847,94
Phải thu khách hàng	227.308,76	175.945,29
Các khoản phải thu khác	70.913,81	150.617,62
Phải trả người bán	(45.119,41)	(11.060,00)
Các khoản phải trả khác	(76.764,09)	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	4.313.571,57	4.207.350,85

Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái giữa VND với USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 156.230.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 181.235.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng do thay đổi lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.298.986.780	-	108.335.161.569	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.570.000.000	-	1.570.000.000	-
Phải thu khách hàng	14.125.261.022	(623.729.273)	16.345.677.602	(623.729.273)
Các khoản phải thu khác	42.722.071.679	-	8.547.761.391	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	978.500.000	(361.000.000)	1.978.500.000	(128.500.000)
Cộng	180.694.819.481	(984.729.273)	136.777.100.562	(752.229.273)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	20.601.818.843	20.846.158.417
Vay	156.230.000.000	181.235.000.000
Các khoản phải trả khác	532.484.847.095	567.577.948.096
Cộng	709.316.665.938	769.659.106.513

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn lãi 41.173.526.762 VND, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 251.346.806.379 VND, làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 158.323.428.582 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 403.012.068.253 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết các khoản nợ đến hạn cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 Công ty mẹ đã gửi công văn số 01/TCHC đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo về việc Công ty mẹ không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

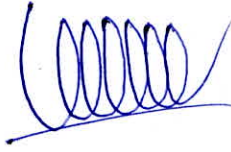
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Thị Thu Hà
Người lập



Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải biển	Các hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	308.056.329.426	57.071.650.354	-	365.127.979.780
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	308.056.329.426	57.071.650.354	-	365.127.979.780
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.355.336.319	6.912.783.276	-	14.268.119.595
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				14.268.119.595
Doanh thu hoạt động tài chính				7.252.893.764
Chi phí tài chính				(18.646.933.648)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-
Thu nhập khác				50.743.541.625
Chi phí khác				(2.086.753.195)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.357.341.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				41.173.526.762
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	28.145.988.007	714.050.337	-	28.860.038.344
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	105.160.571.090	3.481.614.302	-	108.642.185.392
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải biển	Các hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	328.936.245.107	54.877.555.072	-	383.813.800.179
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.936.245.107	54.877.555.072	-	383.813.800.179
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(90.607.949.452)	(1.298.166.321)	-	(91.906.115.773)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(91.906.115.773)
Doanh thu hoạt động tài chính				17.454.443.052
Chi phí tài chính				(10.610.042.992)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-
Thu nhập khác				656.545.348.065
Chi phí khác				(1.190.922.302)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(39.479.753.332)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				530.812.956.718
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	424.858.313.472	1.604.327.570	-	426.462.641.042
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	128.502.541.384	4.649.624.902	-	133.152.166.286
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

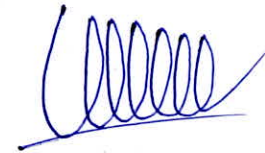
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải biển	Các hoạt động kinh doanh khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	418.307.708.872	27.306.374.953	-	445.614.083.825
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				138.587.519.578
Tổng tài sản				584.201.603.403
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	698.931.783.679	-	-	698.931.783.679
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				43.593.248.306
Tổng nợ phải trả				742.525.031.985
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	456.825.939.688	32.636.099.463	-	489.462.039.151
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				138.929.284.994
Tổng tài sản				628.391.324.145
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	744.055.786.060	-	-	744.055.786.060
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				83.832.493.429
Tổng nợ phải trả				827.888.279.489



Lê Thị Thu Hà
Người lập





Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

